

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98 /2017/HSST
Ngày 18 – 9 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến;

Thẩm phán: Bà Chu Lệ Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Hà;

2. Ông Lê Hùng Cường;

3. Ông Hà Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 74/2017/HSST, ngày 11 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn K; sinh ngày 29 tháng 9 năm 1982;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố N, phường S, thành phố C, tỉnh TN. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo không; trình độ học vấn 9/12; nghề nghiệp lái xe ô tô; Chức vụ, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị khai trừ ngày 24/3/2017). Con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1953; con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957; gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ 2. Vợ là Trần T, sinh năm 1987 (là bị cáo trong vụ án). Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án tiền sự không có; bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2016 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Triệu Thị Kim L, Văn phòng Luật sư L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Trần T; sinh ngày 17 tháng 7 năm 1987;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố N, phường S, thành phố C, tỉnh TN. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo không; trình độ học vấn 12/12; nghề nghiệp lao động tự do; Con ông Trần Ngọc Q (đã chết); con bà Đỗ Thị H, sinh năm 1960; gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ 2.

Chồng là Nguyễn K, sinh năm 1982 (là bị cáo trong vụ án). Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án tiền sự không có.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2016 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Trọng H, Văn phòng Luật sư S thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Triệu Thị H; sinh ngày 19 tháng 12 năm 1981;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Số 407C, đường N, phường T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Dân tộc: Nùng; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo không; trình độ học vấn 4/12; nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Triệu Văn S (đã chết); con bà Lăng Thị D (đã chết); gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 2. Chồng là Dương Hà Hưng, sinh năm 1976. Có 01 người con sinh năm 1912. Tiền án, tiền sự không có.

Bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2016 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Lê Viết Đ, Văn phòng Luật sư L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Lý V; sinh ngày 05 tháng 02 năm 1978;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 358B, đường T, phường K, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Ngõ 8, đường M, phường V, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Dân tộc: Hoa; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo không; trình độ học vấn 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Lý Thắng N, sinh năm 1945; con bà Nguyễn Tuyết L, sinh năm 1953; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 1979. Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án tiền sự không có.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2016 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Đinh Công T, Văn phòng Luật sư Đinh Công T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1960. Trú quán: Tổ dân phố N, phường S, thành phố C, tỉnh TN. Có mặt.

2. Anh Dương Hà H, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ 7A phường Q, quận Đ, thành phố N. Có mặt.

3. Anh Triệu Viết Đ, sinh năm 1994. Trú Tại: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2016, trong lần đi du lịch tại thị xã S, tỉnh TH, vợ chồng Trần T và Nguyễn K gặp và quen Triệu Thị H. Sau đó, Triệu Thị H và Trần T cho nhau số điện thoại để liên lạc. Khoảng ngày 10/7/2016, Trần T gọi điện thoại cho Triệu Thị H đặt mua 03kg ma túy đá. Để có ma túy bán cho Trần

T, Triệu Thị H gọi điện thoại cho một người đàn ông Trung Quốc tên là P. Qua trao đổi, P đồng ý sẽ bán ma túy cho Triệu Thị H và hẹn khi nào chuẩn bị được đủ số lượng 03kg ma túy đá sẽ thông báo.

Sau khi đặt mua ma túy với P, Triệu Thị H đã hẹn Lý V đến nhà hàng C tại thành phố Lạng Sơn. Tại đây, qua trao đổi, Lý V đồng ý sẽ đi nhận 03kg ma túy đá với P về giao số ma túy trên cho khách của Triệu Thị H tên là Trần T, người ở TN. Hai người thỏa thuận cùng tham gia mua bán ma túy và tiền lãi từ việc mua bán ma túy thì sẽ được chia đôi. Triệu Thị H cho Lý V số điện thoại của P và Trần T để Lý V chủ động liên lạc.

Khoảng ngày 14/7/2016, P gọi điện thoại cho Triệu Thị H thông báo đã có ma túy đá bán với giá 200.000.000đ/kg (hai trăm triệu đồng). Triệu Thị H đồng ý mua ma túy với giá trên và gọi điện thoại cho Lý V để chủ động liên lạc với P nhận ma túy. Khoảng 14 giờ ngày 17/7/2016, Triệu Thị H gọi điện thoại cho Trần T thông báo đã có đủ 03 kg ma túy đá, giá bán là 220.000.000đ/kg (hai trăm hai mươi triệu đồng) và yêu cầu Trần T phải đặt cọc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Trần T đồng ý, sau đó Triệu Thị H đọc cho Trần T hai số điện thoại của Lý V để Trần T liên lạc nhận ma túy. Sáng ngày 18/7/2016, Trần T đã chuyển 150.000.000đ tiền đặt cọc mua ma túy vào tài khoản mang tên Nông Thu A theo địa chỉ của Triệu Thị H. Tối ngày 17/7/2016, Trần T nói với chồng là Nguyễn K việc mua bán ma túy với Triệu Thị H tại Lạng Sơn và bảo Nguyễn K sáng ngày 18/7/2016 lái xe ô tô khách của gia đình lên Lạng Sơn nhận ma túy đồng thời đưa cho Nguyễn K 02 số điện thoại của Lý V. Sáng ngày 18/7/2016, Nguyễn K điều khiển xe ô tô khách lên thành phố Lạng Sơn. Khoảng 09 giờ sáng, khi đến thành phố Lạng Sơn, Nguyễn K vào chợ Đ mua 01 sim điện thoại rồi gọi vào số máy của Lý V, đọc biển số xe ô tô khách của mình để Lý V nhận dạng xe để giao nhận ma túy. Lý V bảo Nguyễn K chờ ở khu vực chợ Đ, thành phố Lạng Sơn. Lát sau, Lý V đeo kính, đeo khẩu trang rồi điều khiển xe mô tô DREAM đến khu vực chợ Đ nhưng không đến gặp Nguyễn K mà đứng cách đó khoảng 30 mét để nhận diện xe của Nguyễn K. Lý V gọi điện thoại cho Nguyễn K nói cứ chờ ở đấy khi nào có ma túy thì Lý V sẽ giao. Sau đó, Lý V gọi điện thoại cho P rồi điều khiển xe mô tô lên khu vực cửa khẩu C, tỉnh Lạng Sơn để nhận ma túy với P như đã thỏa thuận. Tại nơi hẹn, khi Lý V gọi điện thoại cho P thì P nói sẽ có người đàn ông không quen biết gọi điện thoại cho Lý V. Sau khi thống nhất địa điểm gặp nhau, người đàn ông này gặp và đưa cho Lý V 01 túi nilon đựng ma túy. Nhận túi ma túy từ người đàn ông, Lý V treo chiếc túi vào móc xe mô tô của mình rồi đi thẳng về khu vực CT, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/7/2016, tại khu vực đường CT, sau khi nhận túi ma túy đá với Lý V, Nguyễn K điều khiển xe ô tô đi về hướng HN. Đến 14 giờ cùng ngày, khi Nguyễn K điều khiển xe ô tô đến đoạn đường Quốc lộ 1A, thuộc địa phận huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị Tổ công tác Phòng PC47 – Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Trạm Cảnh sát giao thông Tùng Diễn phát hiện, bắt quả tang thu giữ trên xe ô tô 03 (ba) túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Từ những tài liệu, chứng cứ thu thập được, hồi 17 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Lạng Sơn đã bắt khẩn cấp

đối với Triệu Thị H. Hồi 15 giờ 30 và 16 giờ ngày 20/7/2016, Cơ quan điều tra lần lượt bắt khẩn cấp Lý V và Trần T.

Tại kết luận giám định số 244/KL-PC54 ngày 22/7/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: “Chất tinh thể màu trắng đựng trong 03 (ba) túi nilon, tang vật thu giữ của Nguyễn K là chất ma túy – Methamphetamine, có tổng trọng lượng 2864,8g.”

Đối với người đàn ông Trung Quốc tên là P theo lời khai của Triệu Thị H là người đã bán số ma túy cho Triệu Thị H, sau đó Triệu Thị H chỉ đạo Lý V đi nhận rồi chuyển giao số ma túy trên cho Nguyễn K thì bị bắt quả tang. Do đối tượng là người nước ngoài nên Cơ quan điều tra không đủ điều kiện xác minh, làm rõ để xử lý trong vụ án.

Đối với người phụ nữ tên Nông Thu A, theo lời khai của Triệu Thị H, sáng ngày 18/7/2016 Trần T đã chuyển cho Triệu Thị H số tiền 150.000.000đ để đặt cọc mua 03 (ba) kg ma túy đá thông qua số tài khoản của Nông Thu A, Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai Nông Thu A, sinh năm 1975, trú tại Khu 5, thị trấn S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả xác minh, Nông Thu A là người chuyên đổi tiền ở khu vực xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đã mở tài khoản số 8415205067810 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh T. Ngày 18/7/2016, Triệu Thị H nhờ số tài khoản của Nông Thu A để khách của Triệu Thị H chuyển số tiền 150.000.000đ vào tài khoản. Giao dịch thành công, Nông Thu A đã chuyển số tiền trên cho một người Trung Quốc theo yêu cầu của Triệu Thị H. Do Nông Thu A không biết mục đích chuyển tiền của Triệu Thị H có liên quan đến việc mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nông Thu A trong vụ án này.

Tại bản cáo trạng số 82/VKS-P1 ngày 11/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn K, Trần T, Triệu Thị H, Lý V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên cáo buộc truy tố như Cáo trạng và cho rằng các bị cáo đã phạm tội, không có bị cáo nào bị truy tố không đúng tội. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, kiểm sát viên cho rằng, với số lượng ma túy các bị cáo đã mua bán trái phép là lớn, căn cứ Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, các bị cáo trong vụ án phải bị loại trừ khỏi đời sống xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo trong vụ án không có tình tiết tăng nặng theo quy định; Về tình tiết giảm nhẹ các bị cáo đều đã thật thà khai báo, ăn năn hối hận nên được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn K và Trần T có Bác ruột là liệt sĩ, hiện bố mẹ bị cáo K; Trần T đang phải thờ phụng, nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Triệu Thị H đã có công tích cực hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi, giúp cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn phá nhiều đường dây vận chuyển trái phép chất ma túy với số lượng rất lớn (42 bánh hêrôin) cùng nhiều đồ vật, tài liệu có liên quan khác và các đầu mối liên quan đến ma túy. Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm p; r khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Thị H, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn K, Trần T, Triệu Thị H, Lý V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; Điều 33; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn K 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/7/2016.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; Điều 34; điểm p khoản 1,2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần T tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2016.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; Điều 33; điểm p, r khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Triệu Thị H 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2016

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; Điều 34; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lý V tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2016

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Qua xác minh tài sản các bị cáo Nguyễn K, Trần T; Lý V không có tài sản để đảm bảo thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Riêng đối với bị cáo Triệu Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự phạt bổ sung đối với bị cáo Triệu Thị H, từ 50 đến 100 triệu đồng, sung công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, vật chứng có giá trị liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước, vật chứng không có giá trị sử dụng tuyên tịch thu tiêu hủy. Trả lại đồ vật không liên quan đến vụ án cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn K: Về tội danh và Điều luật áp dụng không có tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì bị cáo không phải người chủ mưu, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đang là người thờ phụng liệt sĩ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần T: Về tội danh và Điều luật áp dụng không có tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chồng bị cáo cũng là bị cáo trong vụ án, hiện còn 02 con nhỏ không nơi nương tựa, gia đình chồng của bị cáo đang là người thờ phụng liệt sĩ, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, dưới mức Kiểm sát viên đề nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị H: Về tội danh và Điều luật áp dụng không có tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án xuống dưới mức Kiểm sát viên đề nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Lý V: Về tội danh và Điều luật áp dụng không có tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án xuống dưới mức đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đều không có ý kiến tranh luận và cho rằng các tài sản có liên quan đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại đầy đủ và không có ý kiến gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn K, Trần T, Triệu Thị H, Lý V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân cụ thể như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2016, trong lần đi du lịch tại thị xã S, tỉnh TH, vợ chồng Trần T và Nguyễn K gặp và quen Triệu Thị H. Sau đó, Triệu Thị H và Trần T cho nhau số điện thoại để liên lạc. Khoảng ngày 10/7/2016, Trần T gọi điện thoại cho Triệu Thị H đặt mua 03kg ma túy đá. Để có ma túy bán cho Trần T, Triệu Thị H gọi điện thoại cho một người đàn ông Trung Quốc tên là P. Qua trao đổi, P đồng ý sẽ bán ma túy cho Triệu Thị H và hẹn khi nào chuẩn bị được đủ số lượng 03kg ma túy đá sẽ thông báo. Sau khi đặt mua ma túy với P, Triệu Thị H đã hẹn Lý V đến thành phố Lạng Sơn. Tại đây, qua trao đổi, Lý V đồng ý sẽ đi nhận 03kg ma túy đá với P (người Trung Quốc) về giao số ma túy trên cho khách của Triệu Thị H tên là Trần T, người ở TN. Triệu Thị H và Lý V thỏa thuận cùng tham gia mua bán ma túy và tiền lãi từ việc mua bán ma túy thì sẽ được chia đôi. Triệu Thị H cho Lý V số điện thoại của P và Trần T để Lý V chủ động liên lạc.

Khoảng ngày 14/7/2016, P gọi điện thoại cho Triệu Thị H thông báo đã có ma túy đá bán với giá 200.000.000đ/kg (hai trăm triệu đồng). Triệu Thị H đồng ý mua ma túy với giá trên và gọi điện thoại cho Lý V, chủ động liên lạc với P nhận ma túy. Khoảng 14 giờ ngày 17/7/2016, Triệu Thị H gọi điện thoại cho Trần T thông báo đã có đủ 03 kg ma túy đá, giá bán là 220.000.000đ/kg (hai trăm hai mươi triệu đồng) và yêu cầu Trần T phải đặt cọc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Trần T đồng ý, sau đó Triệu Thị H đọc cho Trần T hai số điện thoại của Lý V để Trần T liên lạc nhận ma túy. Sáng ngày 18/7/2016, Trần T đã chuyển 150.000.000đ tiền đặt cọc mua ma túy vào tài khoản mang tên Nông Thu A theo địa chỉ của Triệu Thị H. Tối ngày 17/7/2016, Trần T nói với chồng là Nguyễn K việc mua bán ma túy với Triệu Thị H tại Lạng Sơn và bảo K sáng ngày 18/7/2016 lái xe ô tô khách của gia đình lên Lạng Sơn nhận ma túy đồng thời đưa cho Nguyễn K 02 số điện thoại của Lý V.

Sáng ngày 18/7/2016, Nguyễn K điều khiển xe ô tô khách lên thành phố Lạng Sơn. Khoảng 09 giờ sáng, khi đến thành phố Lạng Sơn, Nguyễn K vào chợ Đ mua 01 sim điện thoại rồi gọi vào số máy của Lý V, đọc biển số xe ô tô khách của mình để Lý V nhận dạng xe để giao nhận ma túy. Lý V bảo Nguyễn K chờ ở

khu vực chợ Đ, thành phố Lạng Sơn. Lát sau, Lý V đeo kính, đeo khẩu trang rồi điều khiển xe mô tô DREAM đến khu vực chợ Đ nhưng không đến gặp Nguyễn K mà đứng cách đó khoảng 30 mét để nhận diện xe của K. Lý V gọi điện thoại cho Nguyễn K nói cứ chờ ở đấy khi nào có ma túy thì Lý V sẽ giao. Sau đó, Lý V gọi điện thoại cho P bên Trung Quốc, rồi điều khiển xe mô tô lên khu vực cửa khẩu C, tỉnh Lạng Sơn để nhận ma túy với P như đã thỏa thuận. Tại nơi hẹn, khi Lý V gọi điện thoại cho P thì P nói sẽ có người đàn ông không quen biết gọi điện thoại cho Lý V. Sau khi thống nhất địa điểm gặp nhau, người đàn ông này gặp và đưa cho V 01 túi nilon đựng ma túy. Nhận túi ma túy từ người đàn ông, Lý V treo chiếc túi vào móc xe mô tô của mình rồi đi thẳng về khu vực CT, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/7/2016, tại khu vực đường CT, sau khi nhận túi ma túy đã với Lý V, Nguyễn K điều khiển xe ô tô đi về hướng HN. Đến 14 giờ cùng ngày, khi Nguyễn K điều khiển xe ô tô đến đoạn đường Quốc lộ 1A, thuộc địa phận huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị Tổ công tác Phòng PC47 – Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Trạm Cảnh sát giao thông Tùng Diễn phát hiện, bắt quả tang thu giữ trên xe ô tô 03 (ba) túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Từ những tài liệu, chứng cứ thu thập được, hồi 17 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Lạng Sơn đã bắt khẩn cấp đối với Triệu Thị H. Hồi 15 giờ 30 và 16 giờ ngày 20/7/2016, Cơ quan điều tra lần lượt bắt khẩn cấp Lý V và Trần T.

Tại kết luận giám định số: 244/KL-PC54 ngày 22/7/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: “Chất tinh thể màu trắng đựng trong 03 (ba) túi nilon, tang vật thu giữ của Nguyễn K là chất ma túy – Methamphetamine, có tổng trọng lượng **2864,8g.**”

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn K; Trần T; Triệu Thị H; Lý V đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 2864,8 gam chất ma túy Methamphetamine.

Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Lời khai của các bị cáo cũng phù hợp với lời khai giữa các bị cáo với nhau, không có mâu thuẫn gì. Do đó có đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị bắt quả tang như đã nêu phần trên.

Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mua bán trái phép chất ma túy thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi đó của các bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật hình sự, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện, là nguồn gốc, nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Bản thân các bị cáo có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức được hành vi là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi, muốn có thu nhập không qua lao động chính đáng mà bằng việc mua bán trái phép chất ma túy, có lợi nhuận lớn nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật, nghe theo sự lôi kéo của người khác, cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh mới đảm bảo tính trừng trị, giáo dục răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, cần xem xét đến vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

- Xét về nhân thân thấy rằng: Các bị cáo Nguyễn K, Trần T, Lý V chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo Nguyễn K, Trần T, là hai vợ chồng đang nuôi 02 con nhỏ (con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012) gia đình bị cáo đang phải thờ phụng liệt sĩ, do vậy cần xem xét khi lượng hình cho các bị cáo.

Bị cáo Lý V là người giúp sức đắc lực nhất cho bị cáo Triệu Thị H và là người giúp bị cáo Triệu Thị H hoàn thành công việc để được chia 1/2 lãi xuất khi hoàn thành công việc mua bán trái phép chất ma túy.

Bị cáo Triệu Thị H là người đã từng bị kết án, tuy đã được xóa án tích nay lại phạm tội nên bị cáo là người có nhân thân không tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo; ăn năn hối hận do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn K và Trần T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; bị cáo Triệu Thị H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Vì đã có công tích cực hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn phá nhiều đường dây vận chuyển trái phép chất ma túy với số lượng rất lớn (42 bánh hêrôn) cùng nhiều đồ vật, tài liệu có liên quan khác và các đầu mối liên quan đến ma túy khác (bút lục số 464, 465).

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt phù hợp với bị cáo, bảo đảm tính giáo dục riêng và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Trần T là người trực tiếp liên lạc với Triệu Thị H để đặt mua 03 kg ma túy đá với giá 220.000.000đ/kg. Trần T cũng là người chuyển tiền cho Triệu Thị H số tiền 150.000.000đ để đặt cọc mua ma túy đá. Sau khi Triệu Thị H cho Trần T số điện thoại của Lý V để liên lạc, Trần T đưa số điện thoại của Lý V cho chồng là Nguyễn K để Nguyễn K lái xe ô tô của gia đình lên Lạng Sơn lấy ma túy. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội do hám lợi nhưng chưa được hưởng lời, số ma túy đã bị thu giữ. Do vậy, Hội đồng xét thấy, cần có mức án không thời hạn (tù chung thân) đối với bị cáo, mới đủ sức răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Đối với bị cáo Lý V sau khi thống nhất với Triệu Thị H đã chủ động liên lạc với người Trung Quốc tên P để nhận 03kg ma túy đá và bị cáo là người trực tiếp đi gặp người của P để nhận số ma túy trên. Ngày 18/7/2016, sau khi Nguyễn K gọi điện thoại cho Lý V, thì bị cáo đã hẹn Nguyễn K đến khu vực CT, thành phố Lạng Sơn để giao ma túy. Khi Nguyễn K đến địa điểm hẹn, Lý V đã xách túi đựng ma túy lên xe đưa cho Nguyễn K. Như vậy, bị cáo là đồng phạm tích cực nhất trong vụ án, trực tiếp giao dịch và trực tiếp đi lấy ma túy với P người bên Trung Quốc, sau khi đã nhận được ma túy bị cáo là người trực tiếp giao ma túy cho bị

cáo Nguyễn K. Xét thấy, bị cáo phạm tội do hám lợi nhưng chưa được hưởng lợi. Do vậy, Hội đồng xét thấy, cần có mức án không thời hạn (tù chung thân) đối với bị cáo, mới đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Triệu Thị H sau khi nhận điện thoại của Trần T đặt mua 03 kg ma túy đá, Triệu Thị H đã liên hệ với người đàn ông Trung Quốc tên là P để đặt ma túy đá với giá 200.000.000đ. Sau khi nhận tiền đặt cọc 150.000.000đ của Trần T, Triệu Thị H đã chuyển tiền cho P để mua ma túy. Đồng thời bị cáo Triệu Thị H là người chỉ đạo Lý V nhận ma túy của P để giao cho Nguyễn K với giá 220.000.000/kg và thỏa thuận với nhau, sau khi việc mua bán chốt lốt số tiền lãi được chia đôi. Do vậy, bị cáo là người có vai trò sau Lý V. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội do hám lợi nhưng chưa được hưởng lợi, số ma túy đã bị thu giữ. Mặt khác, trong quá trình điều tra đã có công tích cực hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn phá nhiều đường dây vận chuyển trái phép chất ma túy với số lượng rất lớn. Do vậy, Hội đồng xét thấy, cần có mức án tù có thời hạn đối với bị cáo, mới đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn K: So với các bị cáo trên, bị cáo K có vai trò thứ yếu hơn. Sau khi vợ là Trần T đặt mua 03kg ma túy đá với Triệu Thị H. Tối ngày 17/7/2016, Trần T nói cho Nguyễn K biết và bảo sáng hôm sau điều khiển xe ô tô khách của gia đình lên Lạng Sơn nhận ma túy với Lý V, đồng thời cho số điện thoại của Lý V để K liên lạc. Sau khi nhận ma túy với Lý V, Nguyễn K điều khiển xe theo hướng Lạng Sơn - Hà Nội thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng toàn bộ tang vật. Như vậy bị cáo chỉ là người thực hiện hành vi theo sự chỉ bảo của vợ mình, cũng là bị cáo trong vụ án.

Đối với hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh về tài sản của các bị cáo Nguyễn K, Trần T; Lý V không có tài sản để đảm bảo thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Triệu Thị H, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự phạt bổ sung đối với bị cáo 50 (năm mươi) triệu đồng, sung công quỹ Nhà nước vì bị cáo tài sản để đảm bảo thi hành án.

Đối với người đàn ông Trung Quốc tên là P theo lời khai của Triệu Thị H là người đã bán số ma túy cho Triệu Thị H, do đối tượng là người nước ngoài (Trung Quốc) nên Cơ quan điều tra không đủ điều kiện xác minh, làm rõ để xử lý trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với người phụ nữ tên Nông Thu A, theo lời khai của Triệu Thị H, sáng ngày 18/7/2016 Trần T đã chuyển cho Triệu Thị H số tiền 150.000.000đ để đặt cọc mua 03 (ba) kg ma túy đá thông qua số tài khoản của Nông Thu A, Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai Nông Thu A. Kết quả xác minh, Nông Thu A là người chuyên đổi tiền, đã mở tài khoản số 8415205067810 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh T. Ngày 18/7/2016, Triệu Thị H nhờ số tài khoản của Nông Thu A để khách của Triệu Thị H chuyển số tiền 150.000.000đ vào tài khoản. Giao dịch thành công, Nông Thu A đã chuyển số tiền trên cho một người Trung Quốc theo yêu cầu của Triệu Thị H. Do Nông Thu A không biết mục đích chuyển tiền của Triệu Thị H có liên quan đến việc mua

bán ma túy nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nông Thu A trong vụ án này. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết đối với vụ án.

- **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) hộp niêm phong bên trong có chứa 2859,7 gam là chất ma túy – Methamphetamine. 01 cân tiểu ly; 03 sim điện thoại; 01 giấy giao nhận tiền; 01 giấy rút tiền; 01 túi màu nâu và các giấy tờ không có giá trị sử dụng.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 02 (hai) điện thoại di động thu giữ của Nguyễn K. 04 (bốn) điện thoại di động thu giữ của Triệu Thị H 04 (bốn) điện thoại di động thu giữ của Lý V. 01 (một) điện thoại di động thu giữ của Trần T.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn K 01 (một) giấy phép lái e ô tô; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân; 01 (một) thẻ ngân hàng ViettinBank; 01 (một) thẻ ngân hàng TECHCOMBANK tất cả đều mang tên Nguyễn K và 01 (một) P bì niêm P bên trong có 3.000.000đ (ba triệu đồng).

- Trả lại cho bị cáo Triệu Thị H: 12 (mười hai) giấy thông hành; 04 (bốn) sổ hộ chiếu; 90 (chín mươi) tờ tiền Trung Quốc mệnh giá 100NDT/tờ và 150.000.000đồng tiền Việt Nam.

- Trả lại cho bị cáo Lý V: 01 (một) máy lát tóc; 01 (một) giấy thông hành mang tên Lý V.

- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn K, Trần T, Lý V và Triệu Thị H bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn K, Trần T, Lý V và Triệu Thị H** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; 53; Điều 34 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Lý V** - Tù chung thân; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/7/2016.

2. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; 53; Điều 34 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Trần T** - Tù chung thân; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/7/2016.

3. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p, r khoản 1 Điều 46; Điều 20; 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Triệu Thị H** 20 (hai mươi) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/7/2016.

4. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn K** 20 (hai mươi) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/7/2016.

II. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Phạt tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đối với bị cáo Triệu Thị H. Không áp dụng phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn K; Trần T và Lý V.

III. Về tang vật: Áp dụng Điều 41 BLHS, khoản 2 Điều 76 BLTTHS;

1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp bìa cát tông, bên ngoài được dán kín bằng giấy trắng, có chữ ký cùng tên của thành phần tham gia niêm phong và các hình dấu tròn. Tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong có 2859,7 gam Methamphetamine, thu giữ của Nguyễn K.

- 01 (một) cân tiểu ly làm gỗ.
- 01 (một) sim điện thoại Viettel số seri: 8984048505046640513.
- 01 (một) sim điện thoại số seri: 2010003251401138.
- 01 sim điện thoại Viettel (đã cắt) không có số seri.
- 01 (một) giấy nhận tiền viết tay ngày 15/8/2013 của Đoàn Thị B.
- 01 (một) giấy rút tiền mặt, tên tài khoản trích nợ Nguyễn X.
- 01 (một) tờ giấy trắng mặt trước có chữ “Triệu Thị H 02031994, MK: tgdd 0965180781 + viết hoa”.

- 01 (một) tờ giấy màu vàng có dòng chữ “TK Trịnh Viết Đ 02031994, MK: Tgdd0967996191”. 01 (một) giấy ủy nhiệm chi của ngân hàng AGRIBANK số tiền 690.000.000đ (sáu trăm chín mươi triệu đồng).

- 03 (ba) phiếu nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng Trung Quốc
- 02 (hai) mẫu giấy có chữ viết tay có tên Lý V.

2. Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Master A226 màu đen, số IMEI1: 911416455422986, số IMEI2: 911416455422994, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen bạc, số IMEI: 356955067285747, máy cũ đã qua sử dụng. Thu giữ của Nguyễn K.

+ **04 (bốn)** điện thoại thu giữ của Triệu Thị H gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng hồng, số IMEI: 353286079960025, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, số IMEI: 353667/06/189012/4, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng nhạt, số IMEI: 356983067369717, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA X1, màu đen – vàng, số IMEI1: 353279/05/695734/6, máy cũ đã qua sử dụng.

+ **04 (bốn)** điện thoại thu giữ của Lý V gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng trắng, số IMEI: 351986061497785, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, số IMEI: 013621009209949, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng trắng, số IMEI: 013849009877429, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI 1: 354269/06/750606/6, máy cũ đã qua sử dụng.

+ **01 (một)** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, số IMEI: 990002752184620, máy cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Trần T.

3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn K:

- 01 (một) giấy phép lái xe ô tô số 190145002701 mang tên Nguyễn K.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 090880881 mang tên Nguyễn K.
- 01 (một) thẻ ngân hàng ViettinBank số 9704155223507544 mang tên Nguyễn K.
- 01 (một) thẻ ngân hàng TECHCOMBANK số 4221498672360444 mang tên Nguyễn K.
- 01 (một) phong bì niêm phong bên trong có 3.000.000đ (ba triệu đồng). Nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án.

5. Trả lại cho bị cáo Triệu Thị H

+ 07 (bảy) giấy thông hành xuất nhập cảnh có bìa màu xanh nhạt có số lần lượt như sau: 4470 – 14B; 521512B; 147612B; 516812B; 301013B; 521412B; 516912B. + 05 (năm) giấy thông hành xuất nhập cảnh bìa màu cam có số lần lượt như sau: G0741674; G0411896; G0731529; G0559645; G0559643.

+ 04 (bốn) sổ hộ chiếu có bìa màu xanh có số lần lượt như sau: B8561655; C0675830; B8555376; B8552713 và 01 (một) hộp bìa cát tông được niêm phong dán kín bằng giấy trắng, bên trong hộp niêm phong có 300 (ba trăm) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), tổng là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); 90 (chín mươi) tờ tiền Trung Quốc, mỗi tờ có mệnh giá 100 NDT, tổng là 9000 (chín nghìn nhân dân tệ). Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/8/2017. Nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án.

6. Trả lại cho bị cáo Lý V:

- + 01 (một) giấy thông hành xuất nhập cảnh bìa màu nâu số 8196-13/XNC.
- + 01 (một) laptop màu đen hiệu ASUS, máy cũ đã qua sử dụng.

(Toàn bộ số tang vật trên hiện đang tạm giữ tại kho tang vật của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2017 và ngày 01/8/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

IV. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo **Nguyễn K, Trần T, Lý V và Triệu Thị H** mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/9/2017.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PC81B, PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến